

PHÁT HUY NĂNG LỰC NỘI SINH CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

NGUYỄN HỮU THẮNG*

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, việc sử dụng ngoại lực là điều tất yếu khi điều kiện nguồn lực trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển như Việt Nam. Tuy nhiên, sử dụng năng lực nội sinh một cách hợp lý cũng là việc không thể xem nhẹ. Cần kết hợp sử dụng nguồn ngoại lực để phát triển nội lực, coi năng lực nội sinh là yếu tố quyết định trong mục tiêu phát triển bền vững ở nước ta...

I - NHỮNG ĐIỀU KIỆN CHUNG BẢO ĐẢM CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Khái niệm "phát triển bền vững" xuất hiện trong phong trào bảo vệ môi trường trên thế giới từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX. Năm 1980, Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc (UNEP) đưa ra quan niệm về phát triển bền vững với 5 nội dung cơ bản, trong đó nhấn mạnh đến việc giúp đỡ người nghèo; sử dụng hiệu quả tài nguyên; phát triển hiệu quả với chi phí thấp; quan tâm sức khỏe của người dân, sử dụng công nghệ thích hợp, tự bảo đảm lương thực, nước sạch, nhà ở cho mọi người...

Để phát triển bền vững, cần có các điều kiện và môi trường cần thiết bảo đảm như: môi trường chính trị - pháp lý, môi trường kinh tế vĩ mô, môi trường văn hóa - xã hội v.v...; trong đó, *môi trường chính trị - pháp lý* được coi là một trong những điều kiện rất quan trọng. Thực tế cho thấy, nền kinh tế chỉ có thể phát triển bền vững nếu có hệ quan điểm và các định hướng đúng đắn về phát triển, từ đó quyết

định đến việc xây dựng thể chế, hình thành các chuẩn mực hành vi về phát triển bền vững... Môi trường chính trị - pháp lý còn có tác động định hướng hành vi của con người trong việc sử dụng nguồn lực, phát triển sản xuất, ứng xử với môi trường.

Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định cũng là điều kiện, tiền đề quan trọng cho phát triển bền vững. Trong đó, đặc biệt là kiểm soát lạm phát ở mức chấp nhận được, bảo đảm toàn dụng nhân lực hay duy trì tỷ lệ thất nghiệp ở mức tự nhiên, cân bằng cán cân thanh toán... Ngoài ra, trong điều kiện kinh tế thị trường, cần có biện pháp tích cực và chủ động trong khắc phục chu kỳ kinh doanh, hạn chế đến mức thấp nhất khủng hoảng kinh tế - xã hội và tác động tiêu cực của các cuộc khủng hoảng.

Môi trường văn hóa - xã hội: bao gồm hệ thống các giá trị, truyền thống, thẩm mỹ,

* TS, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

lối sống..., qua đó, mỗi quốc gia, dân tộc khẳng định bản sắc của mình. Môi trường này bao gồm các yếu tố xã hội như dân cư, lao động, truyền thống, các giá trị văn hóa, các hoạt động văn hóa giáo dục... gắn với con người, xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc, địa phương. Môi trường văn hóa - xã hội vừa là tiền đề cung cấp nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, vừa tạo động lực cho việc phát triển kinh tế bền vững thông qua việc khơi dậy những giá trị văn hóa dân tộc như truyền thống yêu nước, tinh thần dân tộc, ý chí tự lực, tự cường... Ngoài ra, xuất phát từ bản chất và chức năng của mình, văn hóa có vai trò rất quan trọng trong việc điều chỉnh xã hội, sự điều chỉnh hành vi thông qua phong tục, tập quán, thái độ, hành vi đạo đức, tôn giáo thường là tự nguyện và tự giác. Một số quốc gia đã có những thành công trong việc phát huy giá trị văn hóa, truyền thống dân tộc để phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc. Nhờ kết hợp "công nghệ phương Tây với truyền thống dân tộc" mà Nhật Bản đã có những bước phát triển vượt bậc những năm 1950 -1970 và cả thời kỳ dài sau đó.

II - NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN VÀ ĐỦ ĐỂ VIỆT NAM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đối với Việt Nam, để có thể phát triển bền vững, cần khơi dậy tiềm năng sáng tạo của nguồn lực con người tiềm ẩn trong cả môi trường văn hóa cũng như trong hiểu biết, trong tâm hồn, đạo lý, lối sống, thị hiếu, trình độ thẩm mỹ... Đặc biệt, ý thức bảo vệ môi trường sinh thái của mỗi cá nhân là yếu tố hết sức quan trọng.

Môi trường sinh thái bao gồm các điều kiện vật lý, hóa học, sinh học, xã hội bao quanh, có ảnh hưởng đến sự sống và phát triển của mỗi cá nhân, cộng đồng. Môi trường sinh thái có tác động rất lớn đến sự phát triển bền vững. Trước hết, môi trường là không gian sống của con người - chủ thể của các hoạt động kinh tế -

xã hội. Hai là, môi trường cung cấp nguồn tài nguyên cần thiết cho hoạt động sản xuất, kinh doanh như vật liệu, năng lượng. Ba là, môi trường còn là nơi chứa đựng các phế thải của quá trình sản xuất. Đây cũng chính là tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, môi trường còn là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin, các nguồn giien cho hoạt động nghiên cứu, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

Có nhiều yếu tố, như: môi trường chính trị, pháp lý, kết cấu hạ tầng, thị trường, môi trường tâm lý - xã hội, môi trường kỹ thuật - công nghệ, ... tác động đến phát triển bền vững. Bởi vậy, cần gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường thông qua việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên, đặc biệt là các nguồn tài nguyên hữu hạn (như nước, hệ thổ nhưỡng, hệ thực vật) và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên vô hạn như ánh sáng mặt trời, sức gió...

Phát triển bền vững là vấn đề rộng lớn, cần có những điều kiện bảo đảm để thực hiện như: cung cấp nguồn tài chính cho phát triển bền vững, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ sạch và ít tiêu hao nguyên nhiên liệu, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống, tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững, tạo lập năng lực phát triển bền vững... Tăng cường vai trò của Nhà nước trên các mặt: xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển theo yêu cầu của phát triển bền vững; tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh hoạt động hiệu quả; cung cấp dịch vụ công và phát triển kết cấu hạ tầng; thúc đẩy phân bổ nguồn lực hiệu quả; gắn phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

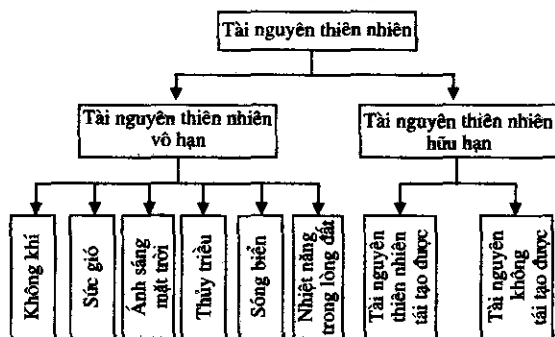
Năng lực nội sinh có thể được phát huy thông qua việc huy động, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực quản lý điều hành. Phát huy năng lực nội sinh vì mục tiêu phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững có ý nghĩa bao quát và quyết định, bởi vì cho dù là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, thì sự hoạt động của nó trên đất nước Việt Nam cũng là sự kết hợp giữa vốn, công nghệ bên ngoài với khai thác các nguồn lực bên trong. Dưới đây là một số phương thức về phát huy năng lực nội sinh bảo đảm cho phát triển kinh tế bền vững.

a - Huy động và sử dụng các nguồn lực phải tính đến phát triển bền vững

Phát huy nội lực thể hiện trước hết ở việc khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực quản lý. Cụ thể như sau:

Một là, khai thác và sử dụng bền vững, có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đó là tất cả của cải vật chất do thiên nhiên tạo ra, bao gồm các tài nguyên có trên mặt đất (thảm thực vật, hệ động vật, nguồn nước mặt...), các tài nguyên trong lòng đất (khoáng sản, nguồn nước ngầm) và trong không gian (ánh nắng mặt trời, gió, không khí...). Để khai thác và sử dụng bền vững, người ta phân chia tài nguyên thiên nhiên thành các loại chủ yếu là tài nguyên thiên nhiên vô hạn (ánh sáng mặt trời, thủy triều...) và tài nguyên thiên nhiên hữu hạn (khoáng sản, đất đai...) (xem hình 1).

Hình 1: Các loại tài nguyên thiên nhiên*



Đối với nguồn tài nguyên hữu hạn không tái tạo được, cần khai thác và sử dụng tiết kiệm, đổi mới công nghệ gia công và thay thế nguyên liệu mới để giảm tỷ trọng loại nguyên liệu này trong giá thành sản phẩm. Đối với tài nguyên có thể tái tạo, cần kết hợp sử dụng hợp lý gắn với việc tái tạo, phục hồi. Về lâu dài, cần tìm mọi cách có thể để thay thế nguồn tài nguyên hữu hạn bằng nguồn tài nguyên vô hạn, tài nguyên không tái tạo bằng tài nguyên tái tạo và đặc biệt là thay thế bằng vật liệu mới, năng lượng mới do con người tạo ra, thân thiện với môi trường.

Các biện pháp tăng cường khai thác và sử dụng tài nguyên ở Việt Nam cần bảo đảm được các chỉ tiêu phát triển bền vững về môi trường, cụ thể như sau:

- Sử dụng đất đai hiệu quả và bền vững: Bảo đảm tỷ lệ đất nông nghiệp bình quân đầu người đủ để bảo đảm an ninh lương thực, tạo cảnh quan và môi sinh; đổi mới phương thức sử dụng đất theo hướng kinh tế sinh thái, tăng tỷ lệ đầu tư trở lại cho đất (đặc biệt là phân hữu cơ); tăng hiệu quả sử dụng đất, tăng năng suất và sản lượng trên một đơn vị diện tích.

- Về sử dụng nguyên, nhiên liệu: Giảm tỷ trọng sử dụng nhiên liệu truyền thống (than, củi) trên đầu người, tăng tỷ trọng khai thác tiềm năng và sản xuất thủy điện, tăng cường sản xuất và sử dụng năng lượng sạch từ năng lượng mặt trời, thủy triều, sức gió...

- Bảo đảm đa dạng sinh thái: ngăn chặn sự suy giảm của các loài, tăng cường hệ thống bảo tồn, tăng cường đầu tư bảo vệ sự đa dạng sinh học (số tiền/hect-ta), tăng cường giá trị được bảo vệ. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác rừng, tăng cường tái tạo rừng hằng năm, bảo đảm tỷ lệ sản xuất trên dự trữ hợp lý, tăng tỷ lệ che phủ của rừng và các loại thảm thực vật.

* Nguồn: Viện Kinh tế và phát triển, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh: *Bài giảng phát triển bền vững*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2006

Cần tiếp tục phát động sâu rộng phong trào trồng cây gây rừng, một tư tưởng lớn của Bác Hồ có ý nghĩa xuyên thời đại. Mới đây, Liên hợp quốc đã nhận được sự cam kết từ các quốc gia, doanh nghiệp và cá nhân trồng hơn một tỉ cây xanh nhằm chống lại những thay đổi khí hậu do sự nóng lên của toàn cầu và góp phần vào mục tiêu xóa đói, giảm nghèo.

- Khai thác và sử dụng nước hợp lý, kiểm soát việc gây ô nhiễm nguồn nước, xử lý chất thải gây ô nhiễm nguồn nước.

- Kiểm soát các loại phát thải gây hiệu ứng nhà kính.

- Tăng cường hoạt động thông tin về môi trường, thu hút sự tham gia đông đảo của các tầng lớp xã hội vào bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức, trách nhiệm và sự tham gia của cộng đồng vào việc bảo vệ môi trường.

Thực tế ở nước ta hiện nay, việc sử dụng nguyên liệu thô cho sản xuất và xuất khẩu còn chiếm tỷ trọng lớn. Điều này thể hiện việc sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên chưa hợp lý và hiệu quả thấp. Việt Nam không có lợi thế về đất đai tự nhiên: diện tích đất đai bình quân là 0,41 ha/người, chỉ bằng 1/6 diện tích tự nhiên bình quân đầu người của thế giới, thuộc hàng thấp nhất thế giới; mật độ dân số năm 2005 là 250 người/km², cao gần gấp 2 lần mật độ dân số của Trung Quốc. Diện tích rừng và độ che phủ của Việt Nam ở mức trung bình của thế giới, trữ lượng gỗ bình quân đầu người rất thấp (7,5m³/người), chỉ bằng 44,1% mức trữ lượng bình quân của khu vực (17m³/người). Để bảo đảm cho phát triển bền vững, cần khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên có hiệu quả và hợp lý.

Hai là, phát huy nguồn nhân lực, lao động và vốn con người: nhân lực, lao động và vốn

con người hay nói khái quát là con người - yếu tố trung tâm của sản xuất xã hội, phát triển con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia và từng địa phương.

Phát huy nguồn nhân lực là việc khai thác, sử dụng và nâng cao nguồn nhân lực trên tất cả các phương diện: số lượng và chất lượng, khía cạnh kinh tế và khía cạnh xã hội như: nâng cao khả năng cá nhân, tăng năng lực sản xuất và khả năng sáng tạo... thông qua giáo dục - đào tạo, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn...

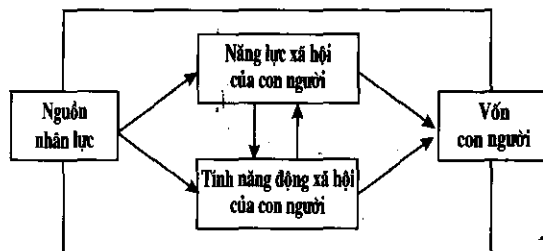
Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và cải thiện chỉ số HDI, cần cải thiện tình hình sức khỏe, nâng cao trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực sáng tạo; phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập bình quân đầu người.

Về lao động, đây là một yếu tố đầu vào cơ bản của sản xuất. Việc phát huy yếu tố lao động thực chất là làm tăng cả về số lượng, chất lượng lao động và sử dụng lao động có hiệu quả hơn. Trong nền kinh tế, số lượng lao động thể hiện ở một số chỉ tiêu như: tỷ trọng của lao động so với dân số, tỷ lệ có việc làm (hay ngược lại là tỷ lệ thất nghiệp)... Hiện nay, Việt Nam đang là nước có dân số trẻ với tỷ lệ người trong độ tuổi lao động khá cao (tỷ lệ vàng). Đây được coi là một lợi thế của nước ta. Tuy nhiên, do khả năng tạo việc làm của nền kinh tế chưa cao nên một bộ phận không nhỏ lao động thiếu việc làm, một bộ phận khác phải xuất khẩu ra nước ngoài.

Việc phát huy lao động về mặt chất lượng thể hiện qua việc nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, vi tính... Điều này có thể thực hiện thông qua đào tạo nghề, học tập văn hóa. Do đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo được coi là một tiêu chí quan trọng về chất lượng lao động. Ngoài ra, việc phát huy yếu tố lao động còn dựa trên cơ sở sử dụng hiệu quả lao động, nâng cao năng suất lao động.

Về vốn con người, đây là "mặt chất" của nguồn nhân lực. Vốn con người bao gồm năng lực, tri thức và kỹ năng của con người. Phần lớn vốn con người được hình thành thông qua giáo dục, đào tạo để hình thành tri thức và các kỹ năng xã hội của con người (hình 2)

Hình 2: Quan hệ giữa nguồn nhân lực và vốn con người



Có thể thấy, vốn con người được tăng cường và phát huy trên cơ sở tăng cường đầu tư vào giáo dục, đào tạo để nâng cao năng lực, trình độ nguồn nhân lực, đồng thời với việc sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Sự phát triển thần kỳ của các nước NICs châu Á phần lớn nhờ vào việc đầu tư mạnh để phát triển vốn con người và khai thác hiệu quả nguồn vốn quan trọng bậc nhất này.

Ba là, tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn. Vốn là yếu tố sản xuất cơ bản. Nguồn vốn nói chung bao gồm vốn vật chất và vốn tài chính. Vốn vật chất là toàn bộ tư liệu vật chất tích lũy được trong nền kinh tế như nhà máy, thiết bị, máy móc, nhà xưởng và các trang thiết bị được sử dụng như những yếu tố đầu vào của sản xuất. Vốn tài chính là nguồn vốn tích lũy chủ yếu dưới dạng tiền từ các nguồn tích lũy cơ bản trong nền kinh tế như: tích lũy từ ngân sách nhà nước, tích lũy của doanh nghiệp và các tầng lớp dân cư. Việc phát huy nguồn vốn, đặc biệt là các nguồn tích lũy nội bộ có ý nghĩa lớn đối với phát triển bền vững. Để tăng cường nguồn vốn, tăng lượng vốn huy động trong nền kinh tế, cần đa dạng hóa hình thức huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, trong đó đặc biệt là vốn đầu tư.

Bốn là, nguồn lực khoa học, công nghệ. Đó là khả năng nghiên cứu, sáng tạo ra các công nghệ mới và năng lực tổ chức chuyển giao, ứng dụng công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh. Nguồn lực khoa học, công nghệ gồm hai nội dung chủ yếu: Nghiên cứu khoa học, tạo ra công nghệ mới; tổ chức chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống. Để tăng cường nguồn lực khoa học, công nghệ, cần thiết phải *phát triển tiềm lực* khoa học, công nghệ mà trước hết là đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ; chú trọng đào tạo và sử dụng nhân tài; đa dạng hóa các loại hình cơ quan nghiên cứu khoa học, công nghệ; đầu tư kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng; tăng cường chuyển giao công nghệ; tiếp thu và nội địa hóa công nghệ từ bên ngoài; có chính sách hỗ trợ phát triển khoa học - công nghệ phù hợp...

b - Tăng cường năng lực kinh doanh và năng lực quản lý điều hành theo hướng phát triển bền vững

Một là, năng lực kinh doanh. Năng lực kinh doanh của quốc gia, vùng hay địa phương là một loại hình năng lực nội sinh, có vai trò rất quan trọng trong phát triển bền vững.

Năng lực kinh doanh thể hiện trên nhiều mặt như: năng lực sản xuất, năng lực điều hành sản xuất, năng lực cạnh tranh,... Năng lực kinh doanh bên trong gắn với trình độ, năng lực, ý chí và đạo đức kinh doanh của đội ngũ các nhà doanh nghiệp ở mỗi quốc gia, vùng, địa phương. Năng lực kinh doanh bên trong có tác động lớn tới phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế, đồng thời có tác động mạnh tới việc sử dụng tất cả các yếu tố đầu vào từ đất đai, tài nguyên, lao động, vốn, công nghệ... của quốc gia, vùng và địa phương. Để phát triển bền vững, cần có đội ngũ các nhà kinh doanh có trình độ, năng lực.

Năng lực kinh doanh có thể được tăng cường và phát huy cả về lượng và chất thông

qua việc tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, đào tạo nâng cao trình độ và năng lực cho đội ngũ các nhà doanh nghiệp, khơi dậy tinh thần kinh doanh của người bản địa.

Hai là, năng lực quản lý điều hành. Đó là khả năng của chính quyền các cấp trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình nhằm phát triển kinh tế - xã hội. Năng lực quản lý điều hành của chính quyền là yếu tố có tính tổng hợp, có vai trò phối hợp, điều tiết việc huy động, sử dụng nguồn lực; tạo môi trường, điều kiện cho phát triển các yếu tố nội lực khác.

Năng lực quản lý điều hành của chính quyền các cấp hiện nay có thể đánh giá và đo lường được. Chẳng hạn, Phòng Thương mại - Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Quỹ châu Á (Mỹ) nghiên cứu đánh giá năng lực điều hành cấp tỉnh của hơn 64 tỉnh, thành phố ở Việt Nam. Các tiêu chí được đưa ra để đánh giá năng lực điều hành cấp tỉnh gồm: đăng ký kinh doanh, tiếp cận đất đai và giấy chứng nhận nhà đất, năng lực thanh tra - kiểm tra, năng lực lập kế hoạch và chính sách, tính minh bạch của chính sách, chi phí giao dịch về thời gian và bằng tiền, tính năng động của lãnh đạo địa phương. Qua bức tranh về năng lực điều hành cấp tỉnh năm 2005 và 2006 cho thấy, năng lực điều hành của địa phương tác động mạnh tới sử dụng nguồn lực cũng như các yếu tố khác của cả nội lực và ngoại lực, có tác động mạnh tới tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường ở địa phương.

Nhìn chung, để bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cần bảo đảm tỷ lệ đầu tư lớn, và sử dụng hiệu quả nguồn lực trong nước. Để bù đắp chênh lệch giữa tiết kiệm, đầu tư và tiêu dùng trong nước cần phải huy động nguồn vốn nước ngoài. Có nhiều hình thức huy động vốn từ bên ngoài như: Vay vốn ưu đãi của chính phủ nước ngoài (ODA); vay thương mại, đầu

tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các kênh khác. Theo các chuyên gia, trong các kênh thu hút ngoại lực thì thu hút FDI là kênh du nhập tư bản không làm phát sinh nợ và là kênh quan trọng để kết hợp nội lực và ngoại lực, là hình thức du nhập cùng một lúc 3 nguồn lực: vốn, công nghệ và năng lực kinh doanh, quản lý hiện đại.

Để phát triển nội lực trên cơ sở thu hút ngoại lực thông qua kênh FDI, cần đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và năng lực kinh doanh từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong nước. Có ba hình thức cơ bản để chuyển giao công nghệ và năng lực kinh doanh giữa doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp trong nước là: *Chuyển giao trong nội bộ doanh nghiệp* (tức là chuyển giao giữa công ty đa quốc gia với công ty con ở nước ngoài); *chuyển giao công nghệ và năng lực kinh doanh giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước* (thông qua học hỏi kinh nghiệm quản lý, sử dụng công nghệ - hay còn gọi là "chuyển giao ngang"). Và cuối cùng là *Chuyển giao thông qua hợp đồng kinh doanh, gia công* (hay còn gọi là "chuyên giao dọc"). Tuy nhiên, trong việc thu hút vốn FDI cần đặc biệt lưu ý đến trình độ công nghệ, chuyển giao, nếu không sẽ khó tránh khỏi hậu quả biến nước ta thành bãi thải các công nghệ lạc hậu từ các nước phát triển, tác động tiêu cực trực tiếp đến phát triển bền vững, gây hậu quả nghiêm trọng lâu dài.

Bên cạnh việc nâng cao trình độ công nghệ và năng lực kinh doanh, việc tăng cường phối hợp tốt với ngoại lực còn làm tăng nội lực thông qua việc nâng cao tay nghề của người lao động (kể cả sản xuất và quản lý điều hành), khai thác có hiệu quả hơn các nguồn lực tự nhiên mà trong nước chưa đủ điều kiện. Đó là những yếu tố quan trọng mà chúng ta phải chú ý trong quá trình thực hiện các mục tiêu của phát triển bền vững. □